1. PHÒNG SINH HÓA				
STT	**Tên thiết bị**	**Hãng SX/ Model**	**Số Seri**	**Vị trí**
1	Tủ lạnh Sanaky 1	VH 400K	230903000638	Phòng
2	Tủ lạnh Sanaky 2	VH 401K	260810000083	Phòng
3	Tủ lạnh Sanaky 3	VH 401K	J27400712220592	Phòng
4	Tủ lạnh Sanaky 4	VH408K3L	783372501000NL6	Phòng
5	Tủ lạnh Sanaky 5	VH408K3L	7241025020A23A1	Phòng
6	Tủ lạnh Sanaky 6	VH408K3L	7241023020Z3Y40	Phòng
7	Máy ly tâm lạnh Beckman Coulter	Allegra X-15R	ALP12C38	Phòng
8	Máy ly tâm HERMLE	Z 206A	601900315	Phòng
9	Máy ly tâm DLAB DM 0424	DLAB	IA245AT0000459	Phòng
10	Tủ đông SANAKY 2	VH-230HY	114372202TOV785	Phòng
2. PHÒNG VI SINH				
STT	**Tên thiết bị**	**Hãng SX/ Model**	**Số Seri**	**Vị trí**
1	Tủ âm sâu BIOBASE	BDF-86V158	DF86V1582 5208054	Phòng
2	Tủ âm PHCBI	MDF437PE	20110020	Phòng
3	Tủ đông LG- Express cool	Freezer GF-201 PN	805INZY00077	Phòng
4	Tủ đông Haier	DW25L92	BE02MAE0N 000EZ9K0005	Phòng
5	Tủ đông Sanaky	VH 230 HY	11417200 30I36X1	Phòng
6	Tủ lạnh Sanaky 04	VH285A	Không rõ	Phòng

7	Tủ lạnh Aqua	QSF418S	BW09G0E560 0BULCS0133	Phòng
8	Tủ lạnh Sanaky 01	VH401K	1207360023	Phòng
9	Tủ lạnh Sanaky 03	VH-201W	357009001420	Phòng
10	Tủ lạnh Alaska 02	LC 333B	14615SH16276	Phòng
11	Tủ lạnh Sanaky 02	VH 400K	230903000638	Phòng
12	Tủ ATSH Cabinet 01	Bio Ii Advance	Không rõ	Phòng
13	Tủ ATSH Cabinet 02	MHE-13AB3	10505527	Phòng
14	Tủ ATSH Labgard	NU-543-400S	02344S120820	Phòng
15	Tủ ATSH HUYAir	HUYAi-VFL-1200	VFL.20003	Phòng
16	Tủ ấm Memmert 02	UNB 500	C5100072	Phòng
17	Máy Votex Mixer 01	VM-2000-C	VMN-20070592	Phòng
18	Máy Votex Mixer 02	VM-2000-C	VMN-20070595	Phòng
19	Máy ly tâm MaXspin	MaXspin	1006321 2031043	Phòng
20	Máy ly tâm Hettich Zentrifugen	Protofix 32A	0044571-05	Phòng
21	Máy Vortex Rx3	Rx3	Không rõ	Phòng
22	Bồn ủ nhiệt	Clifton	50873	Phòng
23	Cân điện tử	KD-TBED 302	130812031	Phòng
24	Autoclaves Hirayama	HV-110	30522123194	Phòng
25	Tủ ủ 01	EB-18	39709317	Phòng

26	Tủ ủ Incucell	IC 404 ECO	H240176	Phòng
27	Tủ ấm CO2 Nuaire	NU-5741E	2,24095E+11	Phòng
DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH				
28	Autoclaves Hirayama	HV-110	30522123194	Phòng

1. PHÒNG SINH HÓA				
STT	**Tên thiết bị**	**Hãng SX/ Model**	**Số Seri**	**Vị trí sử**
1	Automatic Pipette	H1000	17030647	Phòng si
2	Automatic Pipette	H1000	18010092	Phòng si
3	Automatic Pipette	Thermo Scientific	18010080	Phòng si
4	Automatic Pipette	Thermo Scientific	Qh19926	Phòng si
5	Automatic Pipette	Thermo Scientific	QH32613	Phòng si
6	Automatic Pipette	Thermo Scientific	QH32615	Phòng si
7	Automatic Pipette	Thermo Scientific	QH32614	Phòng si
8	Nhiệt kế thủy tinh 1	Không rõ	Không rõ	Phòng si
9	Nhiệt kế thủy tinh 2	Không rõ	Không rõ	Phòng si
10	Nhiệt kế thủy tinh 3	Không rõ	Không rõ	Phòng si
11	Nhiệt kế thủy tinh 4	Không rõ	Không rõ	Phòng si
12	Nhiệt kế thủy tinh 5	Không rõ	Không rõ	Phòng si
13	Nhiệt kế thủy tinh 6	Không rõ	Không rõ	Phòng si
14	Nhiệt kế thủy tinh 7	Không rõ	Không rõ	Phòng si
15	Nhiệt kế thủy tinh 8	Không rõ	Không rõ	Phòng si
16	Nhiệt ẩm kế 01	HM 16	Không rõ	Phòng si
17	Nhiệt ẩm kế 02	HM 16	Không rõ	Phòng si
18	Nhiệt ẩm kế 03	HM 16	Không rõ	Phòng si

19	Nhiệt ẩm kế 04	HM 16	Không rõ	Phòng si
2. PHÒNG VI SINH				
STT	**Tên thiết bị**	**Hãng SX/ Model**	**Số Seri**	**Vị trí sử**
1	Pipette 5-50 µL	Thermo	QH53277	Phòng v
2	Pipette Gram (+)	V1222	17610083	Phòng v
3	Pipette Gram (-)	V1221	17574506	Phòng v
4	Pipette Eppendorf 1000 µL	Reference 2	O504051	Phòng v
5	Pipette Eppendorf 10 µL	Reference 2	N325301	Phòng v
6	Pipette 100-1000 µL	Không rõ	15524104	Phòng v
7	Pipette 20-200 µL	Huawei	17030645	Phòng v
8	Pipette 100-1000 µL	Không rõ	15524107	Phòng v
9	Pipette Hirschmann	H1000	12521251	Phòng v
10	Pipette 100-1000 µL	Finnpipette F3	QH32614	Phòng v
11	Pipette 100-1000 µL	Finnpipette F3	QH32618	Phòng v
12	Pipette 5-50µL	Finnpipette F3	QH53278	Phòng v
13	Pipette 5-50 µL	Finnpipette F3	QH53264	Phòng v
14	Pipette 1-10 µL	Finnpipette F3	QH80384	Phòng v
15	Pipette 1-10 µL	Finnpipette F3	QH80383	Phòng v
16	Pipette 20-200 µL	Finnpipette F3	QH39842	Phòng v
17	Pipette 20-200 µL	Finnpipette F3	QH39838	Phòng v

18	Pipette 20-200 µL	Finnpipette F3	QH39847	Phòng v
19	Pipette 5-50 µL	Human	CR73784	Phòng v
20	Nhiệt Ẩm kế 01	2099TH	Không rõ	Phòng v
21	Nhiệt ẩm kế 02	2099TH	Không rõ	Phòng v
22	Nhiệt ẩm kế 03	HM16	Không rõ	Phòng v
23	Nhiệt ẩm kế 04	HM16	Không rõ	Phòng v
24	Nhiệt ẩm kế 05	HM16	Không rõ	Phòng v
25	Nhiệt ẩm kế 06	HM16	Không rõ	Phòng v
26	Nhiệt ẩm kế 07	HM16	Không rõ	Phòng v
27	Nhiệt kế thủy tinh 01	Không rõ	Không rõ	Phòng v
28	Nhiệt kế thủy tinh 02	Không rõ	Không rõ	Phòng v
29	Nhiệt kế thủy tinh 03	Không rõ	Không rõ	Phòng v
30	Nhiệt kế thủy tinh 04	Không rõ	Không rõ	Phòng v
31	Nhiệt kế thủy tinh 05	Không rõ	Không rõ	Phòng v
32	Nhiệt kế thủy tinh 06	Không rõ	Không rõ	Phòng v
33	Nhiệt kế thủy tinh 07	Không rõ	Không rõ	Phòng v
34	Nhiệt kế thủy tinh 08	Không rõ	Không rõ	Phòng v
35	Nhiệt kế thủy tinh 09	Không rõ	Không rõ	Phòng v
36	Nhiệt kế thủy tinh 10	Không rõ	Không rõ	Phòng v

37	Nhiệt kế thủy tinh 11	Không rõ	Không rõ	Phòng v
38	Nhiệt kế thủy tinh 12	Không rõ	Không rõ	Phòng v
39	Nhiệt kế thủy tinh 13	Không rõ	Không rõ	Phòng v
40	Nhiệt kế thủy tinh 14	Không rõ	Không rõ	Phòng v
41	Nhiệt kế thủy tinh 15	Không rõ	Không rõ	Phòng v
42	Nhiệt kế thủy tinh 16	Không rõ	Không rõ	Phòng v
43	Nhiệt kế thủy tinh 17	33090858	ASTM	Phòng v
44	Nhiệt kế thủy tinh 18	Không rõ	Không rõ	Phòng v
45	Nhiệt kế thủy tinh 19	Không rõ	Không rõ	Phòng v
46	Kính hiển vi Olympus 01	CX41RF	5B04777	Phòng v
47	Kính hiển vi Olympus 02	CX23LEDRFS1	6C85512	Phòng v
48	Kính hiển vi Olympus 03	CX23LEDRFS1	6C85569	Phòng v